

**Immigration New Zealand**  
**Ho Chi Minh City Branch**  
New Zealand Consulate General  
Metropolitan Building  
235 Dong Khoi, District 1  
Ho Chi Minh City, Viet Nam  
Telephone: (848) 38272745  
Email: hochiminhcity@dol.govt.nz

**IMMIGRATION**  
**NEW ZEALAND**



## **NEW ZEALAND STUDENT VISA APPLICATION CHECKLIST**

A minimum of three (3) weeks is required to process a Student Visa application. However your application may take longer than this. The actual processing time will depend on a number of factors:

- The quality, quantity and strength of the information you provide at the time you lodge your application;
- The complexity and circumstances of your individual application;
- The volume of work on hand in the branch.  
Please note that December to March is our peak season and applications can take significantly longer to process during this time.

**Thời gian tối thiểu để đánh giá hồ sơ xin thị thực du học là 3 tuần. Tuy nhiên thời gian xét hồ sơ của quý vị có thể dài hơn hoặc ngắn hơn thời gian nêu trên. Thời gian đánh giá một hồ phụ thuộc vào các yếu tố sau:**

- **Số lượng, chất lượng và mức độ thuyết phục của thông tin mà quý vị cung cấp vào thời điểm nộp hồ sơ;**
- **Mức độ phức tạp và hoàn cảnh của từng hồ sơ**
- **Khối lượng công việc của văn phòng chúng tôi.  
Thời gian từ tháng 12 đến tháng 3 là thời điểm cao điểm của văn phòng chúng tôi, nên hồ sơ nộp vào thời điểm này sẽ có thời gian xét duyệt lâu hơn.**

All documents not in English **must** be accompanied with an English translation from an independent and recognised translation company.

**Tất cả giấy tờ bằng tiếng Việt hoặc các thứ tiếng khác phải nộp kèm bản dịch tiếng Anh, và bản dịch tiếng Anh này phải được thực hiện bởi một công ty/ tổ chức độc lập có thẩm quyền dịch thuật.**

The following documents must be submitted at the time you lodge your Student Visa application with us -

**Các giấy tờ sau đây phải được nộp vào thời điểm nộp hồ sơ xin Thị thực du học:**

**Please note for all applications received on and after 21 November 2011:**

It is extremely important that you provide as much of the information requested below as possible. We may make a decision on your application based only on the information you initially provide with your application. We are not obliged to request any further information or comment from you if your application does not meet our immigration instructions.

**Vui lòng lưu ý đối với những hồ sơ nhân vào ngày 21 tháng Mười Một 2011 và sau ngày 21 tháng Mười Một 2011:**

Việc quý vị nộp đầy đủ thông tin được yêu cầu bên dưới là điều tối quan trọng. Chúng tôi có thể sẽ chỉ quyết định hồ sơ của quý vị dựa trên thông tin mà quý vị cung cấp ban đầu. Chúng tôi không có nghĩa vụ yêu cầu quý vị bổ túc thêm giấy tờ hoặc cho cơ hội giải thích những vấn đề trong hồ sơ nếu hồ sơ của quý vị không đáp ứng được yêu cầu của chính sách di trú.

<p><b>1. Passport</b> Your valid passport or travel document is required.</p> <p>It must have a minimum of 3 months time past the date you plan to leave New Zealand.</p>	<p><b>1. Hộ chiếu</b> Hộ chiếu hoặc giấy thông hành còn giá trị sử dụng được yêu cầu nộp kèm hồ sơ. Hộ chiếu hoặc giấy thông hành phải còn giá trị ít nhất ba tháng trước ngày quý vị dự định rời khỏi New Zealand.</p>
<p><b>2. Application Form</b> You must fully complete and sign the "Student Visa Application" form (INZ 1012). Download the latest version of the form from our website: <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p>	<p><b>2. Đơn xin thị thực</b> Quý vị phải điền đầy đủ và ký vào mẫu đơn "Student Visa Application" (INZ 1012). Quý vị có thể tải mẫu đơn mới nhất từ trang web: <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p>
<p><b>3. Photographs</b> The form must include <b>TWO</b> recent passport photos of the applicant.</p>	<p><b>3. Ảnh</b> Đơn phải được kèm <b>HAI</b> tấm ảnh mới của người xin thị thực.</p>
<p><b>4. Application Fee</b> There is fee to process your visa application. The fee is non-refundable, regardless of the outcome.</p> <p>The current fee is <b>USD 210.00</b> per application.</p> <p>You <b>CANNOT</b> pay the fee in cash.</p> <p>We only accept payment by bank draft/cheque or a bank deposit.</p> <p>Please refer to the last pages of the checklist for further details about how you can pay the application fee.</p>	<p><b>4. Lệ phí</b> Lệ phí thị thực là lệ phí xét hồ sơ. Lệ phí này không được hoàn lại cho dù kết quả hồ sơ là như thế nào.</p> <p>Lệ phí hiện tại là <b>USD 210</b>/hồ sơ.</p> <p>Chúng tôi <b>không chấp nhận</b> việc trả lệ phí bằng tiền mặt.</p> <p>Chúng tôi chỉ có thể chấp việc thanh toán lệ phí bằng hối phiếu/cheque ngân hàng hoặc chuyển khoản.</p> <p>Vui lòng xem thông tin về cách thanh toán lệ phí ở cuối tờ hướng dẫn này.</p>
<p><b>5. Family Questionnaire</b> Please complete and sign the attached "Supplementary Questionnaire" that lists your family.</p> <p>You must declare <b>ALL</b> your family, whether in Vietnam, in New Zealand or overseas.</p>	<p><b>5. Tờ khai gia đình</b> Vui lòng khai đầy đủ vào tờ khai gia đình "Supplementary Questionnaire" đính kèm.</p> <p>Quý vị phải khai <b>TẤT CẢ</b> người thân trong gia đình quý vị cho dù họ ở Việt Nam, New Zealand hoặc bất cứ nước nào, kể cả những người đã qua đời.</p>
<p><b>6. Offer of Place at a School</b> We require a copy of the letter from the educational institute that offers you a place at their school.</p>	<p><b>6. Thư chấp nhận học từ trường</b> Chúng tôi yêu cầu bản sao thư chấp nhận học từ trường mà bạn được nhận vào học.</p>

<p>The letter must specify:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• The name of the course;</li> <li>• The minimum time required to complete the course;</li> <li>• The tuition fee payable.</li> </ul> <p>The school should send a duplicate copy directly to our email box - <a href="mailto:hochiminhcity@dol.govt.nz">hochiminhcity@dol.govt.nz</a></p>	<p>Thư phải bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tên khóa học</li> <li>• Thời gian tối thiểu để hoàn tất khóa học</li> <li>• Số tiền học phí phải trả</li> </ul> <p>Trường học cũng nên gửi một bản sao thư chấp nhận học đến địa chỉ email của chúng tôi - <a href="mailto:hochiminhcity@dol.govt.nz">hochiminhcity@dol.govt.nz</a></p>
<p><b>7. Accommodation Guarantee</b></p> <p>If you are under 18 years, we require a letter from either the school or from some other person prepared to provide you with accommodation for the duration of your course.</p>	<p><b>7. Thư bảo đảm chỗ ở:</b></p> <p>Nếu quý vị dưới 18 tuổi, quý vị phải nộp thư bảo đảm chỗ ở từ trường, hoặc từ cá nhân nào bảo đảm chỗ ở cho quý vị.</p>
<p><b>8. Financial Documents</b></p> <p>You <b>must</b> provide evidence that you or your family have sufficient funds to cover both your tuition fees <u>and</u> living expenses for the first 12 months of study (or course duration, if shorter).</p> <p>You must show you have the equivalent of USD 8,000.00 (NZD 10,000) per year as living expenses.</p> <p>You also need to provide verifiable and genuine evidence of ongoing and sustainable funds available to support your entire intended study plan.</p> <p><b>Examples of ways that you could demonstrate sufficient funds:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• A completed Financial Undertaking form/s (INZ 1014) with an explanation of the relationship between the sponsor and the student. More than one guarantor is permitted;</li> <li>• Bank account/s showing a regular savings history. <u>Note:</u> any newly opened account or recent large deposit must be explained, with supporting evidence as to where the money has come from;</li> <li>• Ownership of assets that are generating an income, such as residential rental properties (provide rental contract and evidence of tax payment for income from the lease) or agricultural land;</li> <li>• Evidence of your parents' employment - including their employment contract and evidence of a regular salary/wage being paid to them;</li> <li>• Evidence of your parent's business</li> </ul>	<p><b>8. Hồ sơ tài chính</b></p> <p>Quý vị <b>phải</b> nộp bằng chứng chứng minh là bản thân hoặc gia đình có đủ tài chính để chi trả học phí <u>và</u> chi phí sinh hoạt trong 12 tháng đầu của khóa học (hoặc trong suốt khóa học, nếu ít hơn 12 tháng).</p> <p>Quý vị phải chứng minh mình có số tiền tương đương với 8,000 đô la Mỹ (10,000 đô la NZ) để sinh hoạt mỗi năm.</p> <p>Quý vị cũng cần chứng minh mình có nguồn tài chính liên tục và ổn định để hỗ trợ toàn bộ kế hoạch học tập. Các bằng chứng này phải chân thật và có thể xác minh.</p> <p><b>Một số ví dụ về cách chứng minh tài chính:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hoàn tất mẫu đơn Bảo lãnh tài chính Financial Undertaking forms (mẫu INZ 1014) đi kèm với lời giải thích về mối quan hệ của đương đơn và người bảo lãnh. Chúng tôi chấp nhận trường hợp có hơn một người bảo lãnh.</li> <li>• Tài khoản ngân hàng thể hiện rõ quá trình gửi tiền tiết kiệm định kỳ. <u>Ghi chú:</u> Phải giải thích về tài khoản mới mở hoặc số tiền lớn mới gửi ngân hàng bằng cách nộp bằng chứng chứng minh nguồn gốc của số tiền.</li> <li>• Sở hữu những tài sản có phát sinh thu nhập, ví dụ như nhà cho thuê (nộp hợp đồng thuê nhà và biên lai đóng thuế cho thu nhập từ việc thuê nhà) hoặc đất nông nghiệp.</li> <li>• Bằng chứng công việc làm của cha mẹ – có thể bao gồm hợp đồng làm việc và bằng chứng nhận lương định kỳ.</li> <li>• Bằng chứng cha mẹ quý vị là chủ doanh nghiệp và thu nhập hiện nay của doanh nghiệp. Trong trường hợp này các chứng từ sau đây được yêu cầu: giấy phép đăng ký kinh doanh,</li> </ul>

<p>ownership, and the income the business is generating. Include documents such as business licenses, tax code registration, and income tax payments for the last 12 months.</p> <p><b>From 2 April 2012:</b> Funds required for student visa applicants will increase from the current NZD 10,000 (USD 8,000) per year to NZD 15,000 (USD 12,000) per year for courses 36 weeks or longer, or NZD 1,250 per month for shorter courses (less prepaid living expenses).</p>	<p>đăng ký mã số thuế, biên lai thuế thu nhập doanh nghiệp trong 12 tháng vừa qua.</p> <p><b>Bắt đầu từ tháng Tư năm 2012:</b> Tiền sinh hoạt phí phải chứng minh hàng năm tăng từ NZD 10,000 (USD 8,000)/năm lên NZD 15,000 (USD 12,000)/năm cho khóa học 36 tuần hoặc dài hơn, hoặc NZD 1,250 (USD 1,000)/tháng cho khóa học ngắn hạn hơn (trừ khoản tiền đã trả trước nếu sinh hoạt phí đã trả trước).</p>
<p><b>9. Educational Certificates</b> You should provide evidence of your previous schooling, complete right through to the time of your application. This includes your attendance record, your academic results and any certificates attained.</p> <p>Include any current courses, English courses or part-time study.</p> <p>If you have been working, not studying, then please supply evidence of your employment.</p>	<p><b>9. Bằng cấp / Chứng chỉ học tập</b> Quý vị phải nộp bằng chứng về quá trình học trước đây - tính đến thời điểm nộp hồ sơ du học - bao gồm học bạ, kết quả học tập và các bằng cấp đã đạt được.</p> <p>Các bằng cấp bao gồm bằng cấp của bất cứ khóa học nào quý vị đang học, bao gồm khóa học tiếng Anh, hoặc khóa học bán thời gian</p> <p>Nếu bạn đang làm việc, nghĩa là không đang đi học, vui lòng nộp bằng chứng về công việc làm.</p>
<p><b>10. Medical Certificate</b> Applicants must have an acceptable standard of health.</p> <p>Applicants intending to spend <b>more than 12 months</b> in New Zealand are required to supply a full "<i>Medical Certificate and Chest X-Ray Certificate</i>" (INZ 1007).</p> <p>Applicants intending to be in New Zealand for <b>more than 6 months but less than 12 months</b> have to undergo TB screening and provide an "<i>X-Ray Certificate for Temporary Entry</i>" (INZ 1096).</p> <p>Pregnant women and children below the age of 11 years are not required to have an x-ray.</p> <p>Approved Panel Doctors are listed on our website: <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p>	<p><b>10. Phiếu khám sức khỏe</b> Các đương đơn xin thị thực ngắn hạn đều được yêu cầu phải có tình trạng sức khỏe tốt.</p> <p>Đối với trường hợp dự định ở New Zealand <b>trên 12 tháng</b>, quý vị phải khám sức khỏe tổng quát và chụp hình phổi (mẫu đơn INZ 1007) tại các phòng khám được Sở Di trú New Zealand chỉ định.</p> <p>Đối với trường hợp dự định ở New Zealand <b>trên 6 tháng nhưng dưới 12 tháng</b>, quý vị phải chụp hình phổi và khám lao (mẫu đơn INZ 1096).</p> <p>Phụ nữ mang thai và trẻ em dưới 11 tuổi không cần phải chụp hình phổi.</p> <p>Địa chỉ phòng khám được chỉ định có thể tham khảo trên trang web <a href="http://www.immigration.govt.nz">www.immigration.govt.nz</a></p>

<p><b>11. Police Certificates</b></p> <p>Applicants over 17 years of age, who are intending to remain in New Zealand for <b>more than 24 months</b>, are required to provide an original Police Certificate from Vietnam <b>and</b> any other country they have lived in for five years or more since turning 17.</p> <p>A Vietnamese Police Certificate must be issued by the Service of Justice of the city or province where your permanent residence is registered.</p>	<p><b>11. Lý lịch tư pháp</b></p> <p>Tất cả những đương đơn trên 17 tuổi và dự định ở New Zealand <b>trên 24 tháng</b> phải nộp Lý lịch Tư pháp được cấp bởi quốc gia mà quý vị mang quốc tịch, <b>và</b> Lý lịch Tư pháp bởi quốc gia mà quý vị đã ở trong thời gian 5 năm trở lên kể từ khi quý vị 17 tuổi.</p> <p>Xin lưu ý rằng Lý lịch Tư pháp phải được cấp bởi Sở Tư pháp của tỉnh, thành phố mà quý vị đăng ký hộ khẩu thường trú.</p>
---	--

## **IMPORTANT NOTES:**

### **Lưu ý quan trọng:**

- Unless specified on this checklist, please do NOT send us original documents, as these will not be returned to you.  
**Ngoại trừ những trường hợp được yêu cầu trong tờ hướng dẫn này, quý vị vui lòng KHÔNG nộp bản gốc giấy tờ vì những giấy tờ này sẽ không được trả lại.**
- Provide us instead with certified true copies of the original documents.  
**Thay vì nộp bản gốc giấy tờ, quý vị nên nộp bản sao có chứng thực.**
- Documents not in English must be accompanied with an English translation from an independent and recognised translation company.  
**Giấy tờ bằng tiếng Việt hoặc các thứ tiếng khác phải nộp kèm bản dịch tiếng Anh, và bản dịch tiếng Anh này phải được thực hiện bởi một công ty/ tổ chức độc lập có thẩm quyền dịch thuật.**
- Please note that your Immigration Officer may ask you to supply additional documents to those listed above, to assist in deciding your application, and/or to attend an interview with us.  
**Xin lưu ý là để quyết định hồ sơ của quý vị, đôi khi nhân viên xét hồ sơ của quý vị có thể yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ không có trong danh sách nêu trên.**
- Providing the information above does not guarantee your visa will be approved. All applications are subject to an assessment which includes looking at your reasons for travelling to New Zealand, and whether or not you will abide by the conditions of any visa that may be granted to you.  
**Việc cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu không bảo đảm là hồ sơ của quý vị được chấp thuận. Tất cả các hồ sơ đều được đánh giá về lý do xin thị thực, và về khả năng tuân thủ những ràng buộc của loại thị thực mà chúng tôi có thể cấp cho quý vị**
- If you withhold relevant information, or provide false or misleading information to us, your application will most likely be declined.  
**Nếu quý vị che giấu thông tin, hoặc cung cấp thông tin không trung thực, hồ sơ của quý vị rất có thể sẽ bị từ chối.**



## **VISA FEES – METHODS OF PAYMENT**

### **CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN LỆ PHÍ THỊ THỰC**

- All applications require a fee to be paid, unless specifically stated as being exempt from a fee.  
**Trừ trường hợp được miễn phí, tất cả các loại hồ sơ xin thị thực đều phải nộp kèm lệ phí xét hồ sơ.**
- The fee must accompany the application at the time it is lodged.  
**Lệ phí thị thực phải được thanh toán tại thời điểm nộp hồ sơ.**
- The fee is a processing fee that covers the costs of handling and assessing the application. It is non-refundable, regardless of the outcome of the application.  
**Lệ phí thị thực là lệ phí xét hồ sơ. Lệ phí này không được hoàn lại cho dù kết quả hồ sơ là như thế nào.**
- Please go to our website [www.immigration.govt.nz](http://www.immigration.govt.nz) to find out how much the current application fee is. Once in the main home page, click on the FEES link on the right hand side of the screen.  
**Vui lòng kiểm tra trang web [www.immigration.govt.nz](http://www.immigration.govt.nz) để biết mức phí hiện tại cho loại hồ sơ thị thực quý vị muốn nộp là bao nhiêu. Một khi vào trang chủ, nhấn vào từ FEES bên phải màn hình.**
- Spouses and dependent children (under 20 years) need only pay one fee provided that they are applying for the same type of visa, at the same time, on the same form and to the same office. Otherwise the fee stated is per application.  
**Vợ/chồng và con còn phụ thuộc cha mẹ (dưới 20 tuổi) chỉ cần trả một lệ phí miễn là cả vợ/chồng và con cùng xin một loại thị thực cùng một thời điểm, điền cùng một đơn, và cùng nộp hồ sơ tại một văn phòng. Trong mọi trường hợp khác lệ phí được tính trên từng hồ sơ.**

### **YOU CANNOT PAY BY THE FOLLOWING MEANS**

**Quý vị không thể đóng tiền bằng những phương thức sau đây**

<b>WE DO NOT ACCEPT</b>	<b>CHÚNG TÔI KHÔNG CHẤP NHẬN</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>Cash</li><li>Credit Card payments</li><li>Debit Cards payments</li><li>Personal cheques</li><li>Bank drafts issued by Sacombank, Vietnam through Citi Bank.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Tiền mặt</li><li>Thanh toán bằng thẻ tín dụng</li><li>Thanh toán bằng thẻ ghi nợ (debit card)</li><li>Cheque cá nhân</li><li>Hối phiếu phát hành bởi ngân hàng Sacombank, Việt Nam thông qua Citi Bank.</li></ul>

### **ACCEPTABLE METHODS OF PAYMENT**

**Những phương thức đóng tiền có thể chấp nhận được**

<b>CASH DEPOSIT (PREFERRED METHOD)</b>	<b>NỘP TIỀN MẶT (USD) VÀO TÀI KHOẢN (PHƯƠNG THỨC ĐƯỢC ƯA CHỌNG)</b>
<ul style="list-style-type: none"><li>You can go to any branch of ANZ Vietnam bank and arrange for cash <b>(USD)</b> to be deposited directly into our bank account. Our account details are: ➢ Account number = 3179176 <b>(USD)</b></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>Quý vị có thể đến bất cứ chi nhánh nào của ngân hàng ANZ tại Việt Nam và nộp tiền mặt <b>(USD)</b> vào tài khoản của chúng tôi. Thông tin tài khoản của chúng tôi là như sau:</li></ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Account name = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➤ Bank = ANZ Bank Vietnam, Ho Chi Minh City</li> <li>➤ SWIFT Code = ANZBVNX472</li> <li>• Address of branches of ANZ bank can be found on <a href="http://www.anz.com/vietnam">www.anz.com/vietnam</a></li> <li>• Please ensure your name is included on the deposit as a reference.</li> <li>• The original bank receipt must accompany the application.</li> <li>• Please ensure you pay the correct fee in <b>USD</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Số tài khoản = 3179176 (<b>USD</b>)</li> <li>➤ Tên tài khoản = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➤ Tại ngân hàng = ANZ Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh</li> <li>➤ Mã số SWIFT = ANZBVNX472</li> <li>• Địa chỉ của ngân hàng ANZ có thể tìm thấy tại trang web <a href="http://www.anz.com/vietnam">www.anz.com/vietnam</a></li> <li>• Vui lòng ghi tên của quý vị vào tờ khai chuyển tiền để chúng tôi có thể đối chiếu sau đó.</li> <li>• Bản gốc của biên lai chuyển tiền phải được nộp kèm với hồ sơ.</li> <li>• Quý vị phải bảo đảm mình đóng đúng số tiền bằng <b>dollar Mỹ</b>.</li> </ul>
---	--

<b>BANK TRANSFER</b>	<b>CHUYỂN KHOẢN</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• You can go to your own bank or any bank and arrange for the fee to be paid (transferred) directly into our bank account. When making a payment by transfer from your bank, you should confirm with your bank that the money is converted to <b>USD</b> prior to it being transferred to our ANZ (<b>USD</b>) bank account.</li> <li>Our account details are: <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Account number = 3179176 (<b>USD</b>)</li> <li>➤ Account name = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➤ Bank = ANZ Bank Vietnam, Ho Chi Minh City</li> <li>➤ SWIFT Code = ANZBVNX472</li> </ul> </li> <li>• Please ensure your name is included on the deposit as a reference.</li> <li>• A copy of the bank receipt must accompany the application.</li> <li>• Please ensure you pay the correct fee in <b>USD</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Quý vị có thể chuyển khoản lệ phí thị thực từ bất cứ ngân hàng nào đến tài khoản của chúng tôi. Khi chuyển khoản, quý vị phải bảo đảm là số tiền phải được quy đổi ra <b>dollar Mỹ</b> từ ngân hàng của quý vị trước tiền được chuyển đến tài khoản ngân hàng (<b>USD</b>) của chúng tôi tại ANZ. Thông tin tài khoản của chúng tôi là như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Số tài khoản = 3179176 (<b>USD</b>)</li> <li>➤ Tên tài khoản = NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE</li> <li>➤ Tại ngân hàng = ANZ Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh</li> <li>➤ Mã số SWIFT = ANZBVNX472</li> </ul> </li> <li>• Vui lòng ghi tên của quý vị vào tờ khai chuyển tiền để chúng tôi có thể đối chiếu sau đó.</li> <li>• Bản sao của biên lai chuyển tiền phải được nộp kèm với hồ sơ.</li> <li>• Quý vị phải bảo đảm mình đóng số tiền chính xác bằng <b>dollar Mỹ</b>.</li> </ul>

<b>ANZ BANK (VN) CHEQUE</b>	<b>CHEQUE DO NGÂN HÀNG ANZ VIỆT NAM PHÁT HÀNH</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cheques issued by the <b>ANZ Bank in Vietnam</b> and drawn domestically on the ANZ Bank in Vietnam should be for the <b>exact</b> fee amount in <b>USD</b>.</li> <li>• Please make the cheque payable to the NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cheque phát hành bởi ngân hàng <b>ANZ tại Việt Nam</b>, không thông qua ngân hàng nước ngoài, phải có đúng mệnh giá được yêu cầu và <b>bằng dollar Mỹ</b>.</li> <li>• Tên người thụ hưởng hối phiếu là NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>

<b>OTHER BANK DRAFTS</b>	<b>CÁC HỐI PHIẾU KHÁC</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Drafts either <b>issued</b> by any other bank either within Vietnam or overseas <b>OR</b> that are <b>drawn</b> on any other bank, must contain an <b>additional</b> USD 13.00 for <b>each</b> draft as the bank clearance fee.</li> <li>• United States dollars (<b>USD</b>) only.</li> <li>• Please make the draft payable to the NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các loại hối phiếu khác phát hành ở các ngân hàng khác tại Việt Nam hoặc phát hành thông qua các ngân hàng ở nước ngoài phải kèm <b>thêm</b> 13 dollar Mỹ trên mệnh giá mỗi tấm hối phiếu để làm phí dịch vụ ngân hàng.</li> <li>• Chỉ có thể chấp nhận <b>dollar Mỹ</b>.</li> <li>• Tên người thụ hưởng hối phiếu là NEW ZEALAND IMMIGRATION SERVICE.</li> </ul>

**If you are unsure about the fee payment please contact our office by email at [hochiminhcity@dol.govt.nz](mailto:hochiminhcity@dol.govt.nz)**  
**Nếu quý vị không chắc chắn về việc đóng lệ phí thị thực xin vui lòng liên lạc văn phòng chúng tôi qua email [hochiminhcity@dol.govt.nz](mailto:hochiminhcity@dol.govt.nz)**